

Phụ lục 1:
ĐỀ CƯƠNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐẮK LẮK
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN 2050

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH
II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC VÀ MỤC TIÊU LẬP ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH

1. Quan điểm lập điều chỉnh quy hoạch
2. Mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch
3. Nguyên tắc lập điều chỉnh quy hoạch

III. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

IV. TÊN, PHẠM VI RANH GIỚI VÀ THỜI KỲ QUY HOẠCH

1. Tên quy hoạch
2. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch
3. Thời kỳ quy hoạch

V. PHƯƠNG PHÁP LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Phương pháp tiếp cận
2. Yêu cầu về phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch
3. Các phương pháp lập quy điều chỉnh hoạch chính

**PHẦN I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,
ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐẶC THÙ CỦA TỈNH**

I. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý
2. Điều kiện tự nhiên
 - 2.1. Đặc điểm địa hình
 - 2.2. Đặc điểm địa chất
 - 2.3. Đặc điểm khí hậu
 - 2.4. Thủy văn, hải văn
3. Tài nguyên thiên nhiên và môi trường
 - 3.1. Tài nguyên đất
 - 3.2. Tài nguyên nước

- 3.3. Tài nguyên rừng
- 3.4. Tài nguyên biển
- 3.5. Tài nguyên khoáng sản
- 3.6. Hệ sinh thái và đa dạng sinh học
- 3.7. Tài nguyên du lịch tự nhiên
- 4. Tài nguyên nhân văn
 - 4.1. Di tích lịch sử - văn hóa và kiến trúc:
 - 4.2. Di sản văn hóa phi vật thể
 - 4.3. Truyền thống văn hóa và dân tộc học
 - 4.4. Làng nghề và sản phẩm thủ công
 - 4.5. Văn hóa ẩm thực đặc trưng
- 5. Điều kiện dân số văn hóa dân tộc

PHẦN II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

- 1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế
 - 1.1. Tăng trưởng kinh tế
 - 1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
 - 1.3. GRDP bình quân đầu người và mật độ kinh tế
- 2. Thực trạng phát triển doanh nghiệp
 - 2.1. Tình hình phát triển doanh nghiệp
 - 2.2. Môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp
- 3. Thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực
 - 3.1. Thu chi ngân sách nhà nước
 - 3.2. Vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ

- 1. Thực trạng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản
 - 1.1. Thực trạng phát triển lĩnh vực nông nghiệp
 - 1.2. Thực trạng phát triển lĩnh vực lâm nghiệp
 - 1.3. Thực trạng phát triển lĩnh vực thủy sản
 - 1.4. Công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường
 - 1.5. Công tác truy xuất hàng hóa nông sản
 - 1.6. Đánh giá chung

2. Thực trạng phát triển ngành Công nghiệp – Xây dựng

2.1. Thực trạng phát triển lĩnh vực công nghiệp

2.2. Thực trạng phát triển lĩnh vực xây dựng

2.3. Đánh giá chung

3. Thực trạng phát triển ngành thương mại – dịch vụ

3.1. Thực trạng phát triển lĩnh vực thương mại

3.2. Thực trạng phát triển lĩnh vực dịch vụ

3.3. Đánh giá chung

III. THỰC TRẠNG CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI

1. Thực trạng dân số, lao động, việc làm

1.1. Thực trạng dân số và phân bố dân cư

1.2. Thực trạng lao động và việc làm

2. Thực trạng phát triển lĩnh vực giáo dục, đào tạo

2.1. Thực trạng phát triển mạng lưới trường, lớp

2.2. Thực trạng hoạt động giáo dục đào tạo các cấp (mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập)

2.3. Thực trạng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên

2.4. Tài chính trong giáo dục và xã hội hoá trong giáo dục đào tạo

3. Thực trạng phát triển lĩnh vực y tế

3.1. Đánh giá một số chỉ tiêu y tế cơ bản của tỉnh

3.2. Thực trạng phát triển các lĩnh vực y tế (mô hình bệnh tật; khám chữa bệnh; y dược cổ truyền; y tế dự phòng; an toàn thực phẩm; dân số kế hoạch hóa gia đình; trồng, sản xuất, phân phối, kinh doanh dược, dược liệu; truyền thông giáo dục sức khỏe; giám định pháp y, giám định y khoa, giám định tâm thần)

3.3. Đội ngũ cán bộ y tế (ngành y, ngành dược)

4. Thực trạng văn hóa, thể dục thể thao

4.1. Thực trạng lĩnh vực văn hóa (bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; văn học nghệ thuật; xây dựng đời sống văn hóa; phát triển công nghiệp văn hóa; đời sống văn hóa cơ sở; công tác gia đình)

4.2. Thực trạng phát triển thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk (phong trào thể thao quần chúng; thể thao thành tích cao)

5. Thực trạng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

5.1. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST; quản lý nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KHCN, ĐMST; hoạt động đổi mới sáng tạo; hoạt động sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hạ tầng và mạng lưới tổ chức KHCN; tiềm lực KHCN, ĐMST; ngân sách nhà nước cho Khoa học và Công nghệ; đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế)

5.2. Thực trạng lĩnh vực Chuyển đổi số (bưu chính; hạ tầng viễn thông – hạ tầng số; chuyển đổi số; công nghiệp công nghệ số)

6. Thực trạng an sinh xã hội

6.1. Thu nhập bình quân đầu người

6.2. Tỷ lệ giảm nghèo

6.3. BHXH, BHYT và thực trạng thất nghiệp, thiếu việc làm

6.4. Công tác thực hiện chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công

6.5. Chăm sóc, bảo trợ xã hội

6.6. Bình đẳng giới

6.7. Phòng chống tệ nạn xã hội

IV. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tiềm năng đất đai

1.1. Tiềm năng đất nông nghiệp (theo các nhóm đất)

1.2. Tiềm năng đất phi nông nghiệp

1.3. Đánh giá tiềm năng đất đai theo đơn vị hành chính và toàn tỉnh

1.4. Tính hợp lý và hiệu quả của việc sử dụng đất

1.5. Tổng hợp phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng đất toàn tỉnh

2. Hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất

2.1. Hiện trạng sử dụng đất (nhóm đất nông nghiệp; nhóm đất phi nông nghiệp; nhóm đất chưa sử dụng)

2.2. Biến động sử dụng đất (nhóm đất nông nghiệp; nhóm đất phi nông nghiệp; nhóm đất chưa sử dụng)

2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất theo Quy hoạch tỉnh được duyệt

3. Tính hợp lý và hiệu quả của việc sử dụng đất

3.1. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

3.2. Hiệu quả của việc sử dụng đất

4. Những tồn tại trong việc sử dụng đất

V. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

1. Thực trạng phân bố không gian đô thị, nông thôn
 - 1.1. Phân bố không gian đô thị và nông thôn
 - 1.2. Các trục hành lang phát triển
 - 1.3. Tỷ lệ đô thị hóa
2. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị
 - 2.1. Vai trò, tính chất đô thị
 - 2.2. Dân số đô thị
 - 2.3. Hiện trạng phân bố hệ thống các đô thị
3. Thực trạng khu vực nông thôn
 - 3.1. Thực trạng phát triển khu vực nông thôn
 - 3.2. Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới
4. Đánh giá công tác phát triển đô thị và nông thôn so với các định hướng liên quan
 - 4.1. Thực hiện phát triển hệ thống đô thị theo các định hướng phát triển của tỉnh
 - 4.2. Các tiêu chuẩn cơ bản Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị
 - 4.3. Đánh giá chung
5. Đánh giá chung thực trạng phát triển đô thị, nông thôn
 - 5.1. Kết quả
 - 5.2. Hạn chế

PHẦN III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG; HẠ TẦNG KỸ THUẬT; HẠ TẦNG XÃ HỘI

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Khu kinh tế
 - 1.1. Khu kinh tế Nam Phú Yên
 - 1.2. Khu kinh tế cửa khẩu Đăk Ruê
2. Các khu, cụm công nghiệp
 - 2.1. Khu công nghiệp
 - 2.2. Cụm công nghiệp
3. Các khu du lịch
 - 3.1. Không gian phát triển du lịch

3.2. Một số khu vực phát triển trọng điểm

4. Khu nông nghiệp tập trung; Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

4.1. Khu nông nghiệp tập trung

4.2. Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

5. Khu Bảo tồn di tích

6. Khu Nghiên cứu, đào tạo

7. Khu an ninh, quân sự

II. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông

1.1. Giao thông đường bộ (Cao tốc, quốc lộ; Đường tỉnh; Giao thông đô thị; Đường bộ ven biển; giao thông khác; hệ thống công trình phục vụ vận tải)

1.2. Giao thông đường sắt

1.3. Giao thông đường hàng không

1.4. Giao thông đường biển

1.5. Giao thông đường thủy nội địa

1.6. Thực trạng hoạt động vận tải (đường bộ; đường sắt; đường thủy nội địa; đường biển; đường hàng không)

1.7. Đánh giá chung kết cấu hạ tầng GTVT

2. Hiện trạng kết cấu hạ tầng điện

2.1. Nguồn điện (Thủy điện; Điện gió; điện mặt trời; Điện sinh khối)

2.2. Hệ thống lưới điện (500 kV; 220 kV; 110 kV)

2.3. Phụ tải điện

2.4. Sự liên kết, tính đồng bộ giữa kết cấu hạ tầng cấp điện trong tỉnh với vùng, cả nước và với hệ thống kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh

2.5. Đánh giá chung về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng điện lực

3. Hiện trạng kết cấu hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt

3.1. Hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt

3.2. Thực trạng mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu

4. Hiện trạng hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi, cấp thoát nước

4.1. Thực trạng hạ tầng công trình phòng chống thiên tai (hệ thống đê và kè bờ sông, cửa sông, bờ biển; hệ thống công trình khác phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; chính sách, kế hoạch phòng chống thiên tai)

4.2. Kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước nông thôn (Hiện trạng công trình thủy lợi tưới tiêu; hiện trạng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn)

- 5. Hiện trạng hạ tầng cấp, thoát nước đô thị
 - 5.1. Cấp nước đô thị
 - 5.2. Thoát nước đô thị
- 6. Hiện trạng hạ tầng xử lý chất thải, nghĩa trang
 - 6.1. Hiện trạng chất thải rắn phát sinh
 - 6.2. Thực trạng thu gom chất thải rắn
 - 6.3. Thực trạng phân loại chất thải rắn tại nguồn
 - 6.4. Hiện trạng hạ tầng xử lý chất thải rắn
 - 6.5. Thực trạng xử lý chất thải
 - 6.6. Hiện trạng nghĩa trang
- 7. Hiện trạng hạ tầng PCCC và CNCH
 - 7.1. Cơ cấu tổ chức
 - 7.2. Mạng lưới, cơ sở hạ tầng PCCC
 - 7.3. Hiện trạng hạ tầng PCCC tại một số ngành, lĩnh vực
 - 7.4. Tình hình cháy nổ
 - 7.5. Tồn tại hạn chế

III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

- 1. Kết cấu hạ tầng giáo dục, đào tạo
 - 1.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và chuyển đổi số trong giáo dục
 - 1.2. Kết cấu mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo
 - 1.3. Kết cấu mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, đại học
 - 1.4. Đánh giá chung
- 2. Kết cấu hạ tầng các cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe
 - 2.1. Các cơ sở khám chữa bệnh
 - 2.2. Cơ sở y tế dự phòng
 - 2.3. Hệ thống cấp cứu
 - 2.4. Dân số - kế hoạch hóa gia đình
 - 2.5. Cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm
 - 2.6. Cơ sở giám định y khoa, giám định pháp y
 - 2.7. Cơ sở đào tạo
- 3. Kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao
 - 3.1. Thực trạng phát triển các thiết chế văn hóa
 - 3.2. Thiết chế - hạ tầng thể thao

4. Kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ
5. Hạ tầng thương mại, dịch vụ
6. Thực trạng kết cấu hạ tầng an sinh xã hội và các kết cấu hạ tầng khác
 - 6.1. Cơ sở dịch vụ việc làm
 - 6.2. Cơ sở chăm sóc người có công
 - 6.3. Cơ sở trợ giúp xã hội
 - 6.4. Cơ sở cai nghiện ma túy

PHẦN IV. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

1. Thực trạng cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản
2. Tình hình khai thác, chế biến
3. Thực trạng quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản

II. HIỆN TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU MÔI TRƯỜNG

1. Thực trạng môi trường
 - 1.1. Môi trường đất
 - 1.2. Môi trường nước (Môi trường nước mặt; môi trường nước dưới đất; Môi trường nước biển ven bờ)
 - 1.3. Môi trường không khí (khu vực đô thị, khu dân cư tập trung; khu vực KCN, CCN; khu vực làng nghề, nông thôn; các vấn đề ô nhiễm bụi khác)
 2. Thực trạng hệ thống giám sát môi trường
 3. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
 4. Nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh
 - 4.1. Diễn biến của thiên tai
 - 4.2. Diễn biến của biến đổi khí hậu
 - 4.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế, xã hội và môi trường
 - 4.4. Công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu
- ### **III. HIỆN TRẠNG, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**
1. Hiện trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước
 2. Thực trạng công tác bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra, xả nước thải vào nguồn nước
 3. Đánh giá số lượng, chất lượng nguồn nước trên địa bàn tỉnh

PHẦN V. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH

I. VỊ THẾ, VAI TRÒ CỦA TỈNH ĐỐI VỚI VÙNG, QUỐC GIA

1. Vị thế và vai trò đối với Quốc gia
2. Vị thế và vai trò đối với Vùng (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên)
3. Vị thế và vai trò trong liên kết Quốc tế (Hành lang xuyên Á)

II. CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN CỦA VÙNG, QUỐC GIA, QUỐC TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH

1. Các yếu tố, điều kiện bối cảnh quốc tế tác động đến sự phát triển của tỉnh
 - 1.1. Xu thế và triển vọng phát triển kinh tế thế giới
 - 1.2. Sự phát triển và lan tỏa của cuộc Cách mạng công nghiệp
 - 1.3. Chuyển dịch trong ngành chế biến, chế tạo toàn cầu
 - 1.4. Các sáng kiến hợp tác và Hiệp định thương mại quốc tế
 - 1.5. Xu hướng môi trường và các vấn đề an ninh phi truyền thống
2. Các yếu tố, điều kiện bối cảnh quốc gia tác động đến phát triển tỉnh
 - 2.1. Định vị nền kinh tế Việt Nam sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc Đổi mới (từ năm 1986)
 - 2.2. Định hướng phát triển đất nước
 - 2.3. Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
3. Các yếu tố, điều kiện vùng tác động đến phát triển tỉnh Đắk Lắk mới
 - 3.1. Tác động từ Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ
 - 3.2. Vùng Tây Nguyên
 - 3.3. Định hướng phát triển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (theo Nghị quyết số 252/2025/QH15) ảnh hưởng đến các ngành, lĩnh vực ưu tiên liên kết
4. Các yếu tố tác động từ các tỉnh, khu vực lân cận

III. CÁC YẾU TỐ VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Công tác quốc phòng, an ninh
 - 1.1. Thực trạng công tác quốc phòng trên địa bàn tỉnh
 - 1.2. Thực trạng công tác an ninh trên địa bàn tỉnh
 - 1.3. Thực trạng công tác phối hợp giữa quốc phòng và an ninh
 - 1.4. Thực trạng tác động qua lại giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh
 - 1.5. Thực trạng các vùng đặc biệt về quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh
 - 1.6. Tồn tại, hạn chế về tình hình quốc phòng, an ninh

2. Công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh

2.1. Đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất quốc phòng

2.2. Đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất an ninh

2.3. Phân tích đánh giá chủ trương định hướng phát triển KT - XH, bảo vệ môi trường và các quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất quốc phòng, an ninh

3. Công tác đối ngoại

IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH ĐẮC LẮK VỚI CÁC TỈNH LÂN CẬN

1. Thực trạng liên kết phát triển

2. Tiềm năng liên kết phát triển của tỉnh Đắk Lắk với các tỉnh lân cận

V. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1746/QĐ-TTG NGÀY 30/12/2023 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1747/QĐ-TTG NGÀY 30/12/2023

1. Kết quả thực hiện quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (cũ) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế

1.2. Các chỉ tiêu xã hội

1.3. Các chỉ tiêu môi trường

1.4. Đánh giá chung

2. Kết quả thực hiện quy hoạch tỉnh Phú Yên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

2.2. Các chỉ tiêu xã hội

2.3. Các chỉ tiêu môi trường

2.4. Đánh giá chung

VI. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN GIẢI QUYẾT, ĐÁNH GIÁ ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU TRONG PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH

1. Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết

2. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức

2.1. Điểm mạnh

2.2. Điểm yếu

2.3. Cơ hội

2.4. Thách thức

3. Đánh giá lợi thế so sánh về tiềm năng và điều kiện phát triển của tỉnh

**PHẦN VI. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN,
PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH ĐẮK LẮK THỜI KÌ 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

I. QUAN ĐIỂM, LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển
2. Các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh
 - 2.1. Cơ sở xây dựng các phương án phát triển
 - 2.2. Các kịch bản phát triển
 - 2.3. Lựa chọn kịch bản phát triển
3. Mục tiêu phát triển
 - 3.1. Mục tiêu chung
 - 3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể
 - Đề xuất các chỉ tiêu theo nhóm tổng hợp chung từng giai đoạn 05 năm.
 - Đề xuất các chỉ tiêu về không gian theo giai đoạn 05 năm.
 - Đề xuất các chỉ tiêu tổng hợp theo các nội dung đề xuất từng giai đoạn 05 năm.
4. Tầm nhìn phát triển dài hạn

II. CÁC TRỤ CỘT, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ KHÂU ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH

1. Các trụ cột phát triển
 - 1.1. Nông nghiệp giá trị gia tăng và chế biến sâu
 - 1.2. Kinh tế biển – cảng biển – dịch vụ hậu cần
 - 1.3. Năng lượng tái tạo và kinh tế xanh
2. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển
 - 2.1. Các nhiệm vụ trọng tâm
 - 2.2. Các khâu đột phá phát triển của tỉnh

**PHẦN VII. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH,
LĨNH VỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

I. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương án kết nối kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống hạ tầng cấp quốc gia, cấp vùng
 - 1.1. Hạ tầng giao thông

- 1.2. Hạ tầng truyền tải điện
2. Xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển
 - 3.1. Nguyên tắc, mục tiêu, cơ sở tổ chức không gian
 - 3.1.1. Nguyên tắc
 - 3.1.2. Cơ sở tổ chức không gian Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
 - 3.1.3. Mục tiêu tổ chức không gian
 - 3.1. Phương án phân vùng kinh tế
- 3.2. Các khu vực trọng điểm phát triển
 - 3.2.1. Các khu vực trọng điểm phát triển gắn với các cực
 - 3.2.2. Hành lang động lực phát triển, vành đai phụ trợ
3. Xác định các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển
4. Phương hướng phát triển và phân bố không gian các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Phương hướng phát triển nông - lâm - thủy sản
 - 1.1. Quan điểm phát triển
 - 1.2. Mục tiêu phát triển
 - 1.3. Tầm nhìn đến 2050
 - 1.3. Định hướng phát triển
 - 1.4. Tổ chức không gian ngành nông nghiệp
 - 1.5. Định hướng ứng dụng KH-CN trong truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao giá trị nông đặc sản của địa phương
 - 1.6. Giải pháp phát triển
2. Phương hướng phát triển công nghiệp - xây dựng
 - 2.1. Quan điểm phát triển
 - 2.2. Mục tiêu phát triển
 - 2.3. Tầm nhìn
 - 2.4. Phương hướng phát triển một số ngành lĩnh vực công nghiệp – xây dựng chủ lực
 - 2.5. Phương hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp
 - 2.6. Giải pháp phát triển
3. Phương hướng phát triển thương mại - dịch vụ
 - 3.1. Thương mại

- 3.2. Phát triển các sản phẩm dịch vụ khác
- 3.3. Dịch vụ du lịch
- 4. Phát triển kinh tế biển
 - 4.1. Mục tiêu phát triển
 - 4.2. Tầm nhìn
 - 4.3. Định hướng phát triển kinh tế biển
 - 4.4. Không gian và mô hình phát triển
 - 4.5. Giải pháp phát triển
- 5. Dân số, lao động, an sinh xã hội
 - 5.1. Dân số, lao động, việc làm
 - 5.1.1. Quan điểm phát triển
 - 5.1.2. Mục tiêu phát triển
 - 5.1.3. Tầm nhìn
 - 5.1.4. Định hướng phát triển
 - 5.1.5. Giải pháp phát triển
 - 5.2. An sinh xã hội
 - 5.2.1. Quan điểm phát triển
 - 5.2.2. Mục tiêu phát triển
 - 5.2.3. Tầm nhìn
 - 5.2.4. Định hướng phát triển an sinh xã hội
 - 5.2.5. Giải pháp phát triển
 - 5.3. Phòng chống tệ nạn xã hội
- 6. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân
 - 6.1. Quan điểm phát triển
 - 6.2. Mục tiêu phát triển
 - 6.2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 6.2.2. Mục tiêu cụ thể
 - 6.2.3. Một số chỉ tiêu y tế cơ bản
 - 6.3. Tầm nhìn dài hạn
- 7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp
 - 7.1. Quan điểm phát triển giáo dục đào tạo và tầm nhìn
 - 7.1.1. Quan điểm phát triển
 - 7.1.2. Tầm nhìn dài hạn

- 7.2. Mục tiêu phát triển
 - 7.2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 7.2.2. Mục tiêu cụ thể
- 7.3. Định hướng phát triển giáo dục
 - 7.3.1. Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo
 - 7.3.2. Định hướng phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên các cấp học và bậc đào tạo
- 7.4. Giải pháp trọng tâm
- 8. Văn hóa, thể thao
 - 8.1. Quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển lĩnh vực văn hóa
 - 8.1.1. Quan điểm phát triển
 - 8.1.2. Mục tiêu phát triển
 - 8.1.3. Phương án phát triển lĩnh vực văn hóa
 - 8.2. Quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển lĩnh vực thể thao
 - 8.2.1. Quan điểm phát triển
 - 8.2.2. Mục tiêu phát triển
 - 8.2.3. Phương án phát triển lĩnh vực thể dục, thể thao
- 9. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo
 - 9.1. Quan điểm, mục tiêu phát triển KHCN, ĐMST và CDS
 - 9.1.1. Quan điểm
 - 9.1.2. Mục tiêu
 - 9.1.3. Tầm nhìn dài hạn
 - 9.2. Phương hướng phát triển KHCN, ĐMST
 - 9.2.1. Định hướng chiến lược vào các lĩnh vực/công nghệ ưu tiên
 - 9.2.2. Xây dựng Hệ sinh thái KHCN, Đổi mới sáng tạo
 - 9.2.3. Phát triển thị trường, hạ tầng KHCN
 - 9.2.4. Đẩy mạnh Chuyển đổi số và nâng cao nhận thức cộng đồng
 - 9.2.5. Hợp tác, liên kết vùng và phát triển nguồn nhân lực
 - 9.3. Phương hướng phát triển CDS
 - 9.3.1. Mạng lưới chính
 - 9.3.2. Hạ tầng số
 - 9.3.3. Chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, xã hội số
 - 9.3.4. Phát triển công nghiệp công nghệ số

10. Phương án đảm bảo quốc phòng an ninh

10.1. Quan điểm

10.2. Mục tiêu

10.3. Phương hướng bảo đảm Quốc phòng – An ninh

10.3.1. Bảo đảm quốc phòng

10.3.2. Bảo đảm an ninh

10.3.3. Bảo đảm công tác đối ngoại

10.4. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với Quốc phòng - An ninh

PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, CÁC KHU VỰC VÀ KHU CHỨC NĂNG

I. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

1. Quan điểm, mục tiêu

1.1. Quan điểm

1.2. Mục tiêu

1.3. Các chỉ tiêu quy hoạch cơ bản

2. Phương án phát triển hệ thống đô thị

2.1. Phân vùng không gian đô thị và nông thôn

2.2. Xác định mô hình, cấu trúc và định hướng hệ thống đô thị

2.3. Phương án phát triển hệ thống đô thị loại II- đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng

2.4. Phương án phát triển hệ thống đô thị loại III của tỉnh

2.5. Phương hướng phát triển đô thị ứng phó với BĐKH, đô thị tăng trưởng xanh

2.6. Phương hướng phát triển đô thị thông minh

2.7. Phương án phát triển đô thị định hướng giao thông công cộng- TOD

3. Phương án phát triển khu vực nông thôn

3.1. Quan điểm, mục tiêu

3.2. Các chỉ tiêu phát triển

3.3. Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

3.4. Các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng nông thôn mới

4. Phương án phát triển nhà ở

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án Phát triển khu kinh tế

- 1.1. Quan điểm, mục tiêu
- 1.2. Phương án phát triển KKT Nam Phú Yên
- 1.3. Phương án phát triển KKT Cửa khẩu Đắc Ruê
2. Phát triển các KCN, CCN
 - 2.1. Phương án phát triển khu công nghiệp
 - 2.2. Phương án phát triển cụm công nghiệp
 - 2.3. Giải pháp phát triển KCN, CCN
3. Phương án phát triển Khu chế xuất
4. Khu công nghệ cao
5. Phương án Phát triển các khu du lịch (bao gồm cả khu nghỉ dưỡng)
6. Phương án phát triển Khu nông nghiệp tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
7. Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao
8. Khu công nghệ số tập trung
9. Khu nghiên cứu, đào tạo
10. khu thể dục, thể thao (bao gồm cả Sân gôn)
11. Khu Văn hóa
12. Khu phức hợp y tế
13. Phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích
14. Phương hướng phát triển khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
15. Xác định khu quân sự, khu an ninh

PHẦN IX. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG

I. DỰ BÁO NHU CẦU GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐẮK LẮK THỜI KỲ 2026-2030

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

III. PHƯƠNG ÁN KẾT NỐI MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG CỦA TỈNH VỚI QUỐC GIA VÀ VÙNG TRÊN ĐỊA BÀN

1. Phương hướng phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc
2. Phương hướng phát triển mạng lưới đường quốc lộ
3. Phương hướng phát triển mạng lưới đường sắt

4. Phương hướng phát triển mạng lưới các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải

5. Phương hướng phát triển cảng biển

6. Phương hướng phát triển mạng lưới cảng hàng không, sân bay

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG LIÊN XÃ

1. Phương hướng phát triển mạng lưới đường tỉnh

2. Phương hướng phát triển mạng lưới đường liên xã

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA.

PHẦN X. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN, HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN LƯỚI ĐIỆN, HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA

1. Định hướng phát triển nguồn điện

2. Định hướng phát triển lưới điện

3. Định hướng phát triển hạ tầng năng lượng

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN, HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG CỦA TỈNH

1. Phương án phát triển nguồn điện tỉnh Đăk Lăk

2. Phương án phát triển lưới điện truyền tải tỉnh Đăk Lăk

3. Phương án phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đăk Lăk

4. Hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt

PHẦN XI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN VIỄN THÔNG QUỐC TẾ, QUỐC GIA, LIÊN TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA, QUY HOẠCH VÙNG

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG CỦA TỈNH

PHẦN XII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THỦY LỢI, HỆ THỐNG CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THỦY LỢI

1. Quan điểm, mục tiêu
2. Phương án phát triển
3. Giải pháp thực hiện phương án phát triển thủy lợi
4. Tầm nhìn phát triển dài hạn

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

1. Hạ tầng cấp nước
 - 1.1. Quan điểm phát triển đến năm 2030
 - 1.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030
 - 1.3. Lựa chọn nguồn nước
 - 1.4. Định hướng phát triển hệ thống cấp nước
2. Hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải
 - 2.1. Quan điểm phát triển đến năm 2030
 - 2.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030
 - 2.3. Dự báo nhu cầu thoát nước thải
 - 2.4. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước thải

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP NƯỚC NÔNG THÔN

1. Quan điểm, mục tiêu
2. Định hướng phát triển đến năm 2030
3. Giải pháp thực hiện phương án phát triển CNSH tập trung nông thôn
4. Tầm nhìn phát triển

PHẦN XIII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI, NGHĨA TRANG

I. HẠ TẦNG XỬ LÝ CHẤT THẢI, NGHĨA TRANG

1. Dự báo nhu cầu
2. Quan điểm
3. Mục tiêu
4. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải (bao gồm: Phương án phát triển các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn)

5. Phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh

II. HẠ TẦNG NGHĨA TRANG

1. Sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang
2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030
3. Phương án phát triển các khu nghĩa trang

PHẦN XIV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm phát triển
2. Mục tiêu

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch cơ cấu tổ chức lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn
2. Quy hoạch xây dựng trụ sở, doanh trại đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH
3. Quy hoạch xây dựng hệ thống cung cấp nước phục vụ PCCC
4. Quy hoạch xây dựng hệ thống giao thông phục vụ PCCC
5. Quy hoạch xây dựng hệ thống thông tin liên lạc phục vụ PCCC

PHẦN XV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU CÁ

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU CÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU CÁ CỦA TỈNH

PHẦN XVI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA

1. Hạ tầng Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp
2. Hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe
3. Hạ tầng văn hóa, thể thao
4. Hạ tầng dịch vụ việc làm
5. Hạ tầng an sinh xã hội

6. Hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
7. Hạ tầng Thương mại - dịch vụ
8. Hạ tầng Du lịch
9. Hạ tầng thông tin đối ngoại

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI TRÊN CẤP TỈNH, LIÊN XÃ

1. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp
 - 1.1. Quan điểm phát triển
 - 1.2. Mục tiêu phát triển
 - 1.3. Định hướng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo
2. Phương án phát triển Hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe
 - 2.1. Hoàn thiện hạ tầng hệ thống khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng
 - 2.2. Phát triển hạ tầng cấp cứu – hồi sức
 - 2.3. Củng cố hạ tầng y tế dự phòng và y tế công cộng
 - 2.4. Tổ chức lại hạ tầng y tế cơ sở theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
 - 2.5. Phát triển hạ tầng y dược cổ truyền
3. Phương án phát triển Hạ tầng văn hóa, thể thao (bao gồm các thiết chế văn hóa, thể thao)
 - 3.1. Phương án thiết chế thể, hạ tầng văn hóa
 - 3.2. Phương án thiết chế thể, hạ tầng thể dục, thể thao
4. Phương án phát triển Hạ tầng dịch vụ việc làm
 - 4.2. Định hướng tổ chức hệ thống hạ tầng dịch vụ việc làm
 - 4.3. Phương án phát triển hạ tầng vật chất theo tuyến vùng – tỉnh – cơ sở
 - 4.3. Phương án phát triển hạ tầng “mềm”: mạng lưới dịch vụ, cơ chế liên kết và nền tảng số
5. Phương án phát triển Hạ tầng an sinh xã hội
 - 5.1. Tổ chức mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo hướng đa tầng – liên thông - dễ tiếp cận
 - 5.2. Phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công theo hướng nhân văn – chất lượng – bền vững
 - 5.3. Đẩy mạnh xã hội hóa để mở rộng độ bao phủ và đa dạng mô hình chăm sóc
6. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
 - 6.1. Hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo
 - 6.2. Hạ tầng chuyển đổi số

7. Phương án phát triển Hạ tầng Thương mại – dịch vụ (bao gồm chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, logistic...)

7.1. Phương án phát triển hệ thống chợ

7.2. Phương án phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích

7.3. Phương án phát triển mạng lưới Trung tâm logistics

7.4. Phương án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt

7.5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại dịch vụ khác

7.6. Giải pháp huy động nguồn lực phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ

8. Phương án phát triển Hạ tầng Du lịch (bao gồm cả các thiết chế khu du lịch quốc gia, khu du lịch cấp tỉnh)

9. Phương án phát triển Hạ tầng thông tin đối ngoại

PHẦN XVIII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực xác định tại quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phân bổ cho tỉnh và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh)

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỈNH TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH

1. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp

2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp

3. Định hướng khai thác sử dụng đất chưa sử dụng

(Xác định các khu vực dự kiến chưa đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch)

II. XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT

1. Nhóm đất nông nghiệp

2. Nhóm đất phi nông nghiệp

3. Nhóm đất chưa sử dụng

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện

3.1. Giải pháp về chính sách

3.2. Giải pháp về Khoa học - Công nghệ

3.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện

3.4. Giải pháp quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch

PHẦN IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Mục tiêu bảo vệ môi trường

1.1. Mục tiêu tổng quát

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2. Chỉ tiêu bảo vệ môi trường đến năm 2030

3. Phương án về phân vùng môi trường

3.1 Mục tiêu phân vùng môi trường

3.2. Căn cứ và tiêu chí xác định phân vùng môi trường

3.3. Phương án phân vùng môi trường

4. Định hướng giải pháp bảo vệ môi trường theo phân vùng

II. PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

1.3. Tầm nhìn đến năm 2050

2. Chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học

3. Định hướng bảo tồn đa dạng sinh học

4. Phương án phát triển khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

4.1. Khu vực đa dạng sinh học cao

4.2. Vùng đất ngập nước quan trọng cấp tỉnh

4.3. Hành lang đa dạng sinh học

4.4. Khu bảo tồn thiên nhiên cấp tỉnh

4.5. Cơ sở bảo tồn

5. Phương án điểm, thông số và tần suất quan trắc môi trường đất, nước, không khí

5.1. Mục tiêu

5.2. Phương án điểm, thông số và tần suất quan trắc môi trường

5.2.1. Mạng lưới quan trắc quốc gia đã quy hoạch

5.2.2. Quy hoạch mạng lưới quan trắc tỉnh

(Xác định các điểm quan trắc, thông số và tần suất quan trắc môi trường theo quy định)

6. Phương hướng quản lý về địa chất, khoáng sản

6.1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển

6.1.1. Quan điểm

6.1.2. Mục tiêu

6.1.3. Định hướng phát triển

6.2. Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản

6.2.1. Khu vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản (tích hợp từ quy hoạch Quốc gia)

6.2.2. Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm I, II (tích hợp từ quy hoạch Quốc gia)

6.2.3. Phương án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản nhóm III, nhóm IV do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện

6.2.4. Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm I, II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ (được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định, do UBND tỉnh cấp phép)

6.2.5. Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III

6.2.6. Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm IV (đất san lấp)

6.3. Quy hoạch chế biến và sử dụng khoáng sản

6.3.1. Định hướng phát triển các cơ sở chế biến khoáng sản

6.3.2. Định hướng sử dụng các loại khoáng sản

PHẦN XX. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, TÀI NGUYÊN RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG RỪNG ĐẶC DỤNG

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG RỪNG ĐẶC DỤNG RỪNG PHÒNG HỘ

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG RỪNG ĐẶC DỤNG RỪNG SẢN XUẤT

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG LÂM NGHIỆP

PHẦN XXI. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG, CHỐNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm
2. Mục tiêu

II. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA HIỆN CÓ

III. PHÂN BỐ NGUỒN NƯỚC

1. Nguyên tắc phân bổ nguồn nước
 - 1.1. *Phân vùng chức năng của nguồn nước mặt nội tỉnh;*
 - 1.2. Phân vùng cân bằng nước
 - 1.3. Nhu cầu dùng nước
 - 1.3.1. Nhu cầu nước cho sinh hoạt, dịch vụ
 - 1.4. Kết quả phân bổ nguồn nước
 - 1.5. Thứ tự phân bổ nguồn nước trong trường hợp bình thường
 - 1.6. Thứ tự ưu tiên phân bổ nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước
2. Xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt, sản xuất
3. Hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác sử dụng nước
 - 3.1. Bổ sung một số trạm KTTV chuyên dùng
 - 3.2. Quan trắc môi trường, chất lượng tài nguyên nước
 - 3.3. Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước
4. Định hướng công trình điều tiết, khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên nước
 - 4.1. Cấp nước đô thị
 - 4.2. Cấp nước nông thôn
5. Công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước
 - 5.1. Hệ thống thủy lợi
 - 5.2. Hệ thống cấp nước
6. Bảo vệ tài nguyên nước
 - 6.1. Nguyên tắc bảo vệ tài nguyên nước
 - 6.2. Các giải pháp bảo vệ tài nguyên nước
7. Phòng chống tác hại do nước gây ra

- 7.1. Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển
- 7.2. Phòng chống và khắc phục sụt lún đất
- 7.3. Phòng chống và khắc phục hạn hán
- 7.4. Phòng, chống và khắc phục hậu quả do hạn hán
- 7.5. Phòng, chống, giảm thiểu lũ, ngập lụt

8. Các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện trong kỳ quy hoạch nhằm quản lý và bảo vệ nguồn nước hiệu quả

PHẦN XXII. PHƯƠNG ÁN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- 1. Quan điểm phát triển
- 2. Mục tiêu phát triển
 - 2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 2.2. Mục tiêu cụ thể
 - 2.3. Tầm nhìn

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG RỦI RO THIÊN TAI, THÍCH ỨNG VỚI BĐKH TRÊN ĐỊA BÀN

1. Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai

- 1.1. Các rủi ro thiên tai trên địa bàn
- 1.2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương
- 2. Nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai
 - 2.1. Nguyên tắc thực hiện
 - 2.2. Cơ chế phối hợp

3. Phương hướng quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với BĐKH trên địa bàn

- 3.1. Tổ chức bộ máy nhân lực phòng, chống, ứng phó với thiên tai
- 3.2. Ứng phó các cấp độ thiên tai

4. Phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và KCHT phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh

4.1. Phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê

4.2. Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

4.3. Công trình hồ chứa cát giảm lũ hạ du

4.4. Phòng chống lũ chính vụ

4.4.1. Giải pháp phi công trình

4.4.2. Giải pháp công trình

6. Lòng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các lĩnh vực quản lý nhà nước

PHẦN XXIII. TÍCH HỢP ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN

PHẦN XXIX. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. GIẢI PHÁP VỀ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ

II. GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

III. GIẢI PHÁP VỀ MÔI TRƯỜNG

IV. GIẢI PHÁP VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

V. GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN

VI. GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

VII. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

IX. DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA TỈNH

1. Tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư

2. Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện